TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Văn Hiệp**

2. Bà **Nguyễn Hồng Phượng**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Trần Văn Dũng -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Văn Tài** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đ.T.T.M, sinh năm 1988 *(Có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông T..H.E, sinh năm 1985 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 02 năm 2023, biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 5 năm 2023 và đơn xin vắng mặt ngày 10 tháng 5 năm 2023, nguyên đơn bà Đ.T.T.M trình bày: Bà Đ.T.T.M và ông T..H.E xây dựng hôn nhân vào năm 2020 và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện X, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 35, ngày 17/4/2020. Trong quá trình chung sống, bà Đ.T.T.M và ông T..H.E chưa có con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chung sống, giữa bà Đ.T.T.M và ông T..H.E thường xuyên phát mâu thuẫn, cãi vả với nhau do bà Đ.T.T.M và ông T..H.E tính tình không hòa hợp, quan điểm sống không tương đồng. Nguyên nhân chính do ông T..H.E không quan tâm, chăm sóc vợ dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên giữa bà Đ.T.T.M và ông T..H.E đã ly thân từ tháng 06 năm 2022 cho đến nay. Nay bà Đ.T.T.M yêu cầu ly hôn với ông T..H.E. Khi ly hôn về con chung, về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, bà Đ.T.T.M không còn yêu cầu nào khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.T.T.M thì ông T..H.E đã được Tòa án nhân dân huyện X đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông T..H.E đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T..H.E không đến Toà án mà vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử và cũng không có văn bản gởi cho Tòa án biết về ý kiến yêu cầu của ông T..H.E đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.T.T.M. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà Đ.T.T.M cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.T.T.M đối với ông T..H.E. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, bà Đ.T.T.M phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Đ.T.T.M khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với ông T..H.E và hiện nay ông T..H.E cư trú tại ấp L, xã N, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T..H.E đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải hai lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án không hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông T..H.E, nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông T..H.E vẫn vắng mặt không có lý do, còn bà Đ.T.T.M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ.T.T.M và ông T..H.E.

[2] Về nội dung: Bà Đ.T.T.M và ông T..H.E chung sống có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện X, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 17/4/2020 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Đ.T.T.M, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Đ.T.T.M yêu cầu ly hôn với ông T..H.E do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống không tương đồng và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà Đ.T.T.M và ông T..H.E đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2022 cho đến nay không có biện pháp gì hàn gắn. Trong khi đó, mặc dù biết rõ Tòa án nhân dân huyện X đang thụ lý, giải quyết yêu cầu xin ly hôn của bà Đ.T.T.M đối với ông T..H.E và ông T..H.E đã được Tòa án nhân dân huyện X nhiều lần triệu tập đến Tòa án để hòa giải nhưng ông T..H.E có thái độ bỏ mặc, không thể hiện thiện chí và mong muốn được hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa ông T..H.E và bà Đ.T.T.M. Từ đó, có căn cứ khẳng định tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà Đ.T.T.M và ông T..H.E đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung đã không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.T.T.M đối với ông T..H.E, cho bà Đ.T.T.M được ly hôn ông T..H.E.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà Đ.T.T.M và ông T..H.E chưa có con chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ.T.T.M xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, bà Đ.T.T.M phải nộp 300.000 đồng; bà Đ.T.T.M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007417 ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.T.T.M đối với ông T..H.E. Cho ly hôn giữa bà Đ.T.T.M với ông T..H.E.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, bà Đ.T.T.M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Đ.T.T.M đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007417 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện X;
- THADS huyện X;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn